

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Kiệm

2. Ông Lê Thanh Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 12/TB-TA, ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/09/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 10 năm 2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Ngọc T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M vào ngày 29/04/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng

không hợp nên không có tiếng nói chung, hơn nữa anh T có dấu hiệu ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng vẫn không thay đổi, vì vậy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/8/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 26/10/2020, biên bản hòa giải ngày 15/12/2020 bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N tìm hiểu yêu thương nhau trong thời gian khoảng 05 năm, rồi tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào tháng 01 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ anh không hiểu công việc làm ăn của anh, mặt khác anh cho rằng vợ không tin tưởng trong vấn đề hôn nhân, vì vậy mới làm đơn xin ly hôn anh. Việc chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, bởi vì anh còn thương vợ, thương con, luôn có trách nhiệm lo lắng cho vợ con, gia đình, hơn nữa mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/8/2015. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng không có mặt, do đó bị đơn đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 53, 50, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc T được ly hôn,

+ Giao con chung Trần Nguyễn Thanh T1 SN 04/8/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con, Ngoài ra trong sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Trần Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh T thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mà không đồng ý ly hôn, vì cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, anh còn thương vợ thương con, luôn có trách nhiệm lo lắng cho gia đình, nhưng anh không tìm biện pháp khắc phục mà để mâu thuẫn xảy ra. Tòa án đã tổ chức hòa giải với mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N cương quyết xin ly hôn anh T, xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng, điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc phải xuất phát từ hai phía, thực tế chị N không còn tình cảm với anh T, không mong muốn hàn gắn, xây dựng hạnh phúc lâu dài, từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

[3] *Về nuôi con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T xác nhận là vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/8/2015 và đều yêu cầu được nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị N và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay cháu T1 đang sống cùng với chị N, được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Do đó để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt của cháu Trần Nguyễn Thanh T1, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Nguyễn Thanh T1 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con,

theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2018/0005823, ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Ngọc T.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 04/8/2015 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số AA/2018/0005823, ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/6/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND **thị trấn M**;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Quang Hiệp